**NỘI DUNG HỌC TẬP TRỰC TUYẾN ĐỊA 12**

**TUẦN 7-8: TỪ 21/3 đến 02/4/2022**

**(BAN KHTN)**

**Bài 35: VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở BẮC TRUNG BỘ**

- Bao gồm các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.

- Dãy núi Bạch Mã được coi là ranh giới tự nhiên giữa Bắc trung bộ và Nam trung bộ.

**I. Những thuận lợi và khó khăn (HS tự học)**

**1. Thuận lợi**

- Tài nguyên khoáng sản

- Rừng có diện tích tương đối lớn thuận lợi phát triển lâm nghiệp

- Sông ngòi có giá trị về thuỷ lợi, giao thông và thuỷ điện.

- Vùng gò đồi lớn, có khả năng phát triển kinh tế vườn và chăn nuôi gia súc.

- Ven biển có khả năng phát triển đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản.

- Tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng: Các bãi biển đẹp, di sản thiên nhiên thế giới Phong Nha – Kẻ Bàng, di sản văn hoá thế giới Di tích cố đô Huế, Nhã nhạc cung đình Huế… thuận lợi phát triển du lịch.

**2. Khó khăn**

- Mùa hạ có gió tây nam khô nóng, hạn hán, bão, lũ lụt, triều cường…

- Tiềm năng nông nghiệp ít, đồng bằng nhỏ hẹp.

- Mức sống của người dân còn thấp, bị ảnh hưởng nặng nề của chiến tranh. Cơ sở hạ tầng của vùng vẫn còn nghèo, việc thu hút các dự án đầu tư của nước ngoài còn hạn chế.

- Với sự tập trung đầu tư cho vùng, nhất là với sự hình thành và phát triển của vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung, trong tương lai kinh tế Bắc Trung bộ sẽ phát triển.

**II. Hình thành cơ cấu nông – lâm – ngư nghiệp**

**1. Ý nghĩa**

- Đây là vùng lãnh thổ dài và hẹp ngang, địa hình có sự phân hoá theo chiều đông tây (từ biển vào là vùng đồng bằng hẹp, vùng đồi và vùng núi). Phát triển nông – ngư nghiệp, nông – lâm – ngư nghiệp để tạo thế mạnh kinh tế liên hoàn.

- Cho phép khai thác thế mạnh về tài nguyên rừng, bảo vệ tài nguyên đất, điều hoà chế độ nước của các sông miền Trung ngắn và dốc, có thuỷ chế rất thất thường.

- Tạo ra thu nhập cho người dân, phát triển các cơ sở kinh tế ở vùng trung du.

- Phát triển rừng ngập mặn, rừng chắn gió, chắn cát vừa tạo điều kiện bảo vệ bờ biển, ngăn chặn cát bay, cát chảy, tạo môi trường cho các loại thuỷ sinh nước lợ và nước mặn phát triển.

- Muốn đẩy mạnh CNH – HĐH để đưa tỷ trong nông nghiệp đi lên thì phải phát triển các thế mạnh của vùng

**2. Vấn đề hình thành cơ cấu nông – lâm – ngư nghiệp**

a. Khai thác thế mạnh về lâm sản

- Diện tích rừng sau Tây Nguyên.

- Rừng giàu chỉ tập trung ở vùng biên giới Việt Lào.

- Rừng sản xuất 34%, rừng phòng hộ 50%, rừng đặc dụng 16%.

- Nhiều lâm trường hoạt động chăm lo cho việc khai thác đi đôi với bảo vệ tu bổ rừng.

🡪 Bảo vệ và phát triển được vốn rừng, môi trường của động vật hoang dã, nguồn gen quý hiếm, điều hoà nguồn nước. Trồng rừng ven biển hạn chế được cát bay, cát chảy…

b. Khai thác tổng hợp các thế mạnh về nông nghiệp của trung du, đồng bằng và ven biển

- Vùng đồi trước núi phát triển chăn nuôi đại gia súc.

- Vùng đất badan hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm như cà phê ở tây Nghệ An, Quảng Trị; cao su, hồ tiêu ở Quảng Bình, Quảng Trị; chè ở tây Nghệ An.

- Các vùng đất cát pha hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp hàng năm như mía, lạc…

- Tuy không thuận lợi cho cây lúa nhưng đã thâm canh để phát triển.

c. Đẩy mạnh phát triển ngư nghiệp

- Đánh bắt nhiều nhất ở **Nghệ An** nhưng nguồn lợi biển có nguy cơ giảm do phương tiện đánh bắt chưa được đổi mới.

- Nuôi trồng thuỷ sản nước lợ và nước mặn khá phổ biến, làm thay đổi bộ mặt nông thôn ở vùng ven biển.

**III. Hình thành cơ cấu công nghiệp và phát triển cơ sở hạ tầng, giao thông vận tải**

**1. Phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm và các trung tâm công nghiệp chuyên môn hoá**

a. Ý nghĩa

- Công nghiệp của vùng đang phát triển dựa trên một số tài nguyên khoáng sản có trữ lượng lớn, nguồn nguyên liệu của nông lâm thuỷ sản và nguồn lao động dồi dào, tương đối rẻ.

- Đang hạn chế về kĩ thuật, vốn, cơ cấu công nghiệp của vùng chưa thật định hình và sẽ có nhiều biến đổi. Một số tài nguyên khoáng sản vẫn còn ở dạng tiềm năng.

- Công nghiệp năng lượng phải đi trước một bước do những hạn chế về nguyên liệu tại chỗ và phục vụ nhu cầu trong vùng.

b. Tình hình phát triển

- Một số nhà máy xi măng lớn như Bỉm Sơn, Nghi Sơn (Thanh Hoá), Hoàng Mai (Nghệ An)

- Đang xây dựng nhà máy thép Thạch Khê – Hà Tĩnh.

- Thuỷ điện có Bản Vẽ - Nghệ An (320MW), Cửa Đạt – Thanh Hoá (97MW), Rào Quán – Quảng Trị (64MW).

- Các TTCN lớn của vùng là Thanh Hoá – Bỉm Sơn, Vinh, Huế…

**2. Xây dựng cơ sở hạ tầng trước hết là giao thông vận tải**

a. Ý nghĩa

- Thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội các huyện phía tây, phân bố lại dân cư, hình thành mạng lưới đô thị mới.

- Tăng cường giao thương với các nước láng giềng.

- Tăng cường thu hút khách du lịch.

- Tạo thế mở cửa nền kinh tế và làm thay đổi quan trọng sự phân công lao động theo lãnh thổ.

b. Các tuyến đường chính

- Đường bộ: Quốc lộ 1A, đường 7, 8, 9, đường Hồ Chí Minh. Các cửa khẩu đã được mở ra, quan nhất là cửa khẩu Lao Bảo. Đường hầm qua đèo Ngang, Hải Vân được đưa vào sử dụng.

- Đường sắt Thống Nhất.

- Đường biển: Một số cảng nước sâu đang được đầu tư xây dựng và được đưa vào khai thác như Nghi Sơn, Vũng Áng, Chân Mây.

- Đường hàng không: Sân bay Phú Bài (Huế), sân bay Vinh được nâng cấp.

\* Hướng phát triển: Hiện đại hoá và phát triển các tuyến giao thông bắc – nam, trong đó có đường hầm qua đèo Ngang, đèo Hải Vân, phát triển các tuyến đường ngang, đi đôi với việc phát triển các cảng biển và các cửa khẩu dọc biên giới.

**Bài 36: VẤN ĐỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ**

- Bao gồm các tỉnh thành Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận.

- Có 2 quần đảo xa bờ là Hoàng Sa (tp Đà Nẵng) và Trường Sa (Khánh Hoà).

- Lãnh thổ phía tây là Trường Sơn đông, phía đông là biển Đông, phía bắc là dãy núi Bạch Mã được coi là ranh giới tự nhiên giữa Bắc Trung bộ và Nam Trung bộ.

**I. Những thế mạnh và hạn chế (HS tự học)**

**1. Thuận lợi**

- Tài nguyên biển .

- Khoáng sản..

- khí hậu Đông Trường Sơn, mùa hạ có hiện tượng phơn, mùa mưa về thu đông thuận lợi bố trí cơ cấu mùa vụ, cây trồng thích hợp.

- Rừng thuận lợi phát triển lâm nghiệp.

- Có nhiều đồng bằng màu mỡ, đất cát pha và đất cát

- Vùng gò đồi thuận lợi cho chăn nuôi bò, dê, cừu.

- Về mặt kinh tế - xã hội:

+ Có chuổi đô thị tương đối lớn như Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, Phan Thiết.

+ Đang thu hút các dự án đầu tư của nước ngoài.

+ Có các di sản văn hoá thế giới như đô thị cổ Hội An, Di tích Mỹ Sơn (Quảng Nam) là thế mạnh phát triển du lịch của vùng.

**2. Khó khăn**

- Các đồng bằng nhỏ hẹp, hạn chế cho phát triển nông nghiệp.

- Khoáng sản không nhiều, trữ năng thuỷ điện không lớn.

- Vùng phía nam ít mưa, khô hạn kéo dài như Ninh Thuận, Bình Thuận. Mùa mưa lũ lên nhanh.

- Vùng chịu ảnh hưởng của chiến tranh, có nhiều dân tộc ít người sinh sống, đời sống chưa cao…

**II. Phát triển tổng hợp kinh tế biển**

**1. Nghề cá**

- Đánh bắt:

+ Vùng biển miền Trung lắm cá nhiều tôm, có ngư trường lớn là Hoàng Sa – Trường Sa, Ninh Thuận – Bình Thuận – Bà Rịa-Vũng Tàu, tỉnh nào cũng có bãi tôm, bãi cá, nhất là các tỉnh cực nam trung bộ.

+ Có nhiều loại cá quý như cá thu, cá ngừ, cá trích…

- Nuôi trồng: Có nhiều vũng, vịnh, đầm, phá

- Tình hình khai thác

+ Năm 2005 khai thác 624 nghìn tấn, trong đó cá biển có 420 nghìn tấn.

+ Nghề nuôi tôm hùm, tôm sú đang được phát triển ở nhiều tỉnh nhất là Phú Yên, Khánh Hoà.

+ Công nghiệp chế biến phát triển đa dạng, phong phú như nghề làm nước mắm ở Phan Thiết, có thể giải quyết vấn đề thực phẩm của vùng và tạo ra sản xuất hàng hoá.

+ Khai thác hợp lí cần phải bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản.

**2. Du lịch biển**

- Có nhiều bãi biển đẹp như Mỹ Khê, Sa Huỳnh, Quy Nhơn, Nha Trang, Cà Ná, Mũi Né…

- Nha Trang là trung tâm du lịch lớn của cả nước. Đà Nẵng là một trung tâm du lịch quan trọng của vùng.

- Cần gắn liền với du lịch đảo, nghỉ dưỡng, thể thao…

**3. Dịch vụ hàng hải**

- Thuận lợi xây dựng các cảng nước sâu, một số cảng đang được khai thác như Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang, Dung Quất.

- Vịnh Vân Phong sẽ hình thành cảng trung chuyển quốc tế lớn nhất nước ta.

**4. Khai thác khoáng sản ở thềm lục địa và sản xuất muối**

- Hiện đang tiến hành khai thác các mỏ dầu khí ở phía đông đảo Phú Quí (Bình Thuận).

- Việc sản xuất muối cũng rất thuận lợi, các vùng muối nổi tiếng là Cà Ná, Sa Huỳnh…

**III. Phát triển công nghiệp và cơ sở hạ tầng**

Việc tăng cường kết cấu hạ tầng giao thông vận tải có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong hình thành cơ cấu của vùng

- Đã hình thành chuỗi các trung tâm công nghiệp như Đà Nẵng, Nha Trang, Quy Nhơn, Phan Thiết. Các ngành công nghiệp thế mạnh đã phát triển như chế biến nông lâm thuỷ sản, sản xuất hàng tiêu dùng. Đầu tư nước ngoài ngày càng nhiêu vào các khu công nghiệp… Vì vậy công nghiệp của vùng đang khởi sắc.

- Hạn chế về tài nguyên nhiên liệu, năng lượng, cơ sở năng lượng của vùng chưa đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp trong và ngoài vùng… vì vậy phát triển các nhà máy điện công suất trung bình và nhỏ là vấn đề cần thiết.

🡪 Một số nhà máy thuỷ điện đã đi vào hoạt động như Sông Hinh (Phú Yên), Vĩnh Sơn (Bình Định), Hàm Thuận – Đa Mi (Bình Thuận), A Vương (Quảng Nam).

🡪 Hình thành vùng kinh tế trọng điểm miền Trung với các khu kinh tế mở như Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội…

- Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải tạo ra thế mở cửa và phân công lao động mới:

+ Nâng cấp quốc lộ 1A và đường sắt Thống Nhất làm tăng vai trò trung chuyển, đẩy mạnh sự giao lưu giữa các tỉnh trong vùng và với các trung tâm kinh tế khác của cả nước.

+ Các tuyến đường ngang giúp mở rộng hậu phương của các cảng nước sâu, đẩy mạnh quan hệ với các tỉnh của Tây Nguyên, khu vực Nam Lào và đông bắc Thái Lan.

**Bài 37: VẤN ĐỀ KHAI THÁC THẾ MẠNH Ở TÂY NGUYÊN**

- Gồm 5 tỉnh: Kon Tum, Gia Lai, Đăk Lăk, Lâm Đồng, Đăk Nông.

**I. Ý nghĩa của việc phát triển kinh tế ở Tây Nguyên**

- Là vùng duy nhất ở nước ta không giáp biển.

- Các cao nguyên xếp tầng nằm sát duyên hải Nam trung bộ dài mà hẹp, giáp Hạ Lào. Đông bắc Campuchia. Vì vậy Tây Nguyên có vị trí đặc biệt về quốc phòng và xây dựng kinh tế.

- Đây là vùng có nhiều dân tộc ít người.

- Bảo vệ tài nguyên, môi trường cho vùng thượng nguồn và cả vùng hạ lưu.

**II.Những thuận lợi và khó khăn (HS tự học)**

**1. Thuận lợi**

- Khoáng sản có bôxit trữ lượng hàng tỉ tấn.

- Đất đai màu mỡ, cộng với sự đa dạng của tài nguyên khí hậu, rừng, đem lại cho Tây Nguyên những tiềm năng to lớn về nông nghiệp và công nghiệp.

- Trữ năng thủy điện trên các sông Xê Xan, XrêPôk và thượng nguồn sông Đồng Nai tương đối lớn.

- Là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc ít người như Xu Đăng, Ba Na, Gia Rai, Ê Đê, với truyền thống văn hoá độc đáo.

**2. Khó khăn**

- Không giáp biển. nghèo khoáng sản.

- Vùng thưa dân nhất nước ta.

- Điều kiện kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn, thiếu lao động lành nghề, cán bộ khoa học kĩ thuật.

- Mức sống của nhân dân còn thấp, trình độ dân trí chưa cao.

- Cơ sở hạ tầng thiếu nhiều như giao thông vận tải, y tế, giáo dục, dịch vụ, kỹ thuật…

- Công nghiệp của vùng đang trong giai đoạn hình thành với các trung tâm công nghiệp nhỏ và điểm công nghiệp.

**III. Phát triển cây công nghiệp lâu năm**

**1. Tiềm năng**

a. Thuận lợi

- Có tiềm năng to lớn về nông nghiệp và lâm nghiệp, đất đai và khí hậu thích hợp với việc trồng cây công nghiệp lâu năm.

- Đất ba dan có tầng phân hoá sâu, giàu chất dinh dưỡng, phân bố tập trung ở những mặt bằng thuận lợi cho việc thành lập các vùng chuyên canh cây công nghiệp quy mô lớn.

- Khí hậu mang tính chất cận xích đạo, thuận lợi phát triển các cây công nghiệp nhiệt đới. Có một mùa mưa và một mùa khô kéo dài thuận lợi phơi sấy sản phẩm. Khí hậu có sự phân hoá theo độ cao, những cao nguyên cao trên 1000m có khí hậu mát mẻ thuận lợi phát triển cây công nghiệp cận nhiệt.

- Đã thu hút hàng vạn lao động từ các vùng khác nhau tạo nguồn lao động dồi dào và tập quán sản xuất mới cho các dân tộc ở Tây Nguyên.

- Mạng lưới giao thông đã được nâng cấp đặc biệt là đường 14, các tuyến đường ngang như đường 19, đường 25…

- Có sự hợp tác đầu tư của nước ngoài và công nghiệp chế biến phát triển.

b. Khó khăn

- Mùa khô kéo dài, mực nước ngầm hạ thấp, làm thuỷ lợi gặp nhiều khó khăn, tốn kém và trở ngại cho sinh hoạt.

- Mùa mưa kéo dài sau mùa khô trên vùng đất ba dan vụn bở dễ bị xói mòn và rửa trôi.

**2. Tình hình phát triển cây công nghiệp**

- Cà phê là cây công nghiệp quan trọng của Tây Nguyên. Diện tích trồng cà phê ở Tây Nguyên hiện nay hơn 450 nghìn ha chiếm 4/5 diện tích cả nước, trong đó ở Đăk Lăk 259 nghìn ha, là tỉnh có diện tích lớn nhất.

+ Cà phê chè được trồng trên các cao nguyên tương đối cao, khí hậu mát như ở Gia Lai, Kom Tum, Lâm Đồng.

+ Cà phê vối được trồng ở những cao nguyên thấp hơn như Đăk Lăk.

+ Cà phê Buôn Mê Thuột nổi tiếng và có chất lượng cao.

- Chè được trồng trên các cao nguyên cao hơn như Lâm Đồng, Gia lai.

- Cao su đứng thứ hai sau Đông Nam bộ, được trồng nhiều ở Gia Lai, Đăk Lăk.

- Dâu tằm lớn nhất cả nước về diện tích và sản lượng, được trông nhiều ở Bảo Lộc, Đơn Dương, Đức Trọng (Lâm Đồng).

- Bên cạnh các nông trường quốc doanh trồng tập trung, ở Tây Nguyên hiện nay còn phát triển rộng rãi các mô hình kinh tế vườn trồng cà phê, hồ tiêu…

**3. Các giải pháp**

- Hoàn thiện quy hoạch các vùng chuyên canh cây công nghiệp, mở rộng diện tích cây công nghiệp có kế hoạch và có cơ sở khoa học, đi đôi với việc bảo vệ rừng và phát triển thuỷ lợi, đảm bảo nước tưới trong mùa khô.

- Đa dạng hoá cơ cấu cây trồng, để vừa hạn chế những rủi ro trong tiêu thụ sản phẩm, vừa sử dụng hợp lí tài nguyên.

- Đẩy mạnh khâu chế biến các sản phẩm cây công nghiệp và đẩy mạnh xuất khẩu.

- Ngăn chặn phá rừng bừa bãi, phát triển vốn rừng, có kế hoạch phát triển hợp lí diện tích cây công nghiệp.

- Ngăn chặn nạn du canh du cư lên Tây Nguyên.

- Chuyển giao công nghệ, giao đất giao rừng cho các vùng đồng bào dân tộc ít người.

**IV. Khai thác và chế biến lâm sản**

**1. Tiềm năng**

- Độ che phủ rừng 60%.

- Có nhiều gỗ quý như cẩm lai, gụ, mật, nghiến, trắc,…

- Nhiều chim thú quý như voi, bò tót, gấu…

- Rừng Tây Nguyên chiếm 36% đất rừng và 52% sản lượng gỗ của cả nước. Tây Nguyên là kho vàng xanh của cả nước.

**2. Hiện trạng**

- Có hàng chục lâm trường và các liện hiệp nông – lâm – công nghiệp lớn nhất nước ta như Kon Hà Nừng (Gia Lai), Ea sup (Đăk Lăk), Gia Nghĩa (Đăk Nông).

- Sản lượng gỗ không ngừng giảm từ 600 – 700 nghìn m3 vào cuối những năm 1980 nay chỉ còn khoảng 200 – 300 nghìn m3/năm.

- Do phá rừng dẫn đến lớp phủ rừng và trữ lượng các loại gỗ quý giảm xuống, môi trường của các loại chim thú bị đê doạ.

- Phần lớn gỗ khai thác được xuất khẩu dưới dạng gỗ tròn.

**3. Biện pháp**

-Ngăn chặn nạn phá rừng.

-Khai thác rừng hợp lí, đi đôi với khoanh nuôi, trồng rừng mới.

-Đẩy mạnh giao đất giao rừng.

-Đẩy mạnh chế biến gỗ, hạn chế xuất khẩu gỗ tròn.

**\*Ý nghĩa của việc phát triển lâm nghiệp**

- Tây Nguyên là kho vàng xanh của cả nước chiếm 36% đất rừng và 52% sản lượng gỗ của cả nước

- Rừng Tây Nguyên là nguồn cung cấp gỗ quí và nhiều lâm sản khác.

- Rừng Tây Nguyên là môi trường sống của động vật hoang dã, trong số đó có các loài động vật quí hiếm như voi, gấu, bò tót, tê giác.

- Rừng Tây Nguyên có vai trò quan trọng trong chống xói mòn đất và bảo vệ nguồn nước.

**V. Khai thác thuỷ năng kết hợp với thủy lợi**

- Tài nguyên nước trên các sông Sê San, Srê pôk, Đồng Nai… đang được sử dụng có hiệu quả hơn. Với các nhà máy:

+ Đa Nhim trên sông Đa Nhim công suất 160MW.

+ Đrây H’ling trên sông Srê pôk công suất 12MW.

- Từ những năm 1990, hàng loạt công trình thuỷ điện lớn đã và đang được xây dựng, hình thành nên các bậc thuỷ điện trên các tuyến sông.

+ Trên sông Sê San có Yali (720MW), Sê San 3, Sê San 3A, Sê San 4, Plây Krông… tổng công suất 1500MW.

+ Trên sông Srê pôk có 6 bậc thang thuỷ điện với tổng công suất 600MW.

+ Trên sông Đồng Nai có Đại Ninh (300MW), Đồng Nai 3 (180MW), Đồng Nai 4 (340MW)…

**\* Ý nghĩa của việc phát triển thuỷ điện ở Tây Nguyên**

- Khai thác tốt tiềm năng về thuỷ điện của vùng.

- Các ngành công nghiệp của vùng có thuận lợi hơn để phát triển như khai thác và chế biến bột nhôm từ nguồn bô xít rất lớn.

- Các hồ thuỷ điện còn đem lại nguồn nước tưới quan trọng trong mùa khô.

- Phát triển du lịch, nuôi trồng thuỷ sản.

- Chia nước từ lưu vực sông Đồng Nai sang các lưu vực sông ở cực nam trung bộ.

- Xây dựng chuổi các công trình thuỷ điện, vừa tránh phải xây dựng các công trình thuỷ điện quá lớn, vừa tiết kiệm thuỷ năng, điều tiết dòng chảy tốt hơn, kết hợp được thuỷ điện và thuỷ lợi.

**Bài 39: VẤN ĐỀ KHAI THÁC LÃNH THỔ THEO CHIỀU SÂU Ở ĐÔNG NAM BỘ**

- Bao gồm TP Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai và Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Diện tích 23.6 nghìn km2, vào loại nhỏ so với các vùng khác.

- Dân số 12 triệu người (2006) và lao động thuộc vào loại trung bình nhưng lại dẫn đầu cả nước về GDP (42%), giá trị sản lượng công nghiệp (55.6%) và giá trị hàng xuất khẩu.

- Là vùng có nền kinh tế hàng hoá sớm phát triển, có cơ cấu kinh tế công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ phát triển so với các vùng khác trong cả nước.

**I. Các thế mạnh, hạn chế của vùng: không dạy**

**II. Vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu**

**1. Khái niệm**

Khai thác lãnh thổ theo chiều sâu là việc nâng cao hiệu quả khai thác lãnh thổ trên cơ sở đẩy mạnh đầu tư vốn, khoa học công nghệ, nhằm khai thác tốt nhất các nguồn lực tự nhiên và kinh tế – xã hội, đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, đồng thời giải quyết tốt các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường.

**2. Khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp**

a. Hướng khai thác

\* Phát triển nguồn điện

- Một số nhà máy thuỷ điện đã được xây dựng như Trị An (400MW) trên sông Đồng Nai, Thác Mơ (150MW) trên sông Bé, thuỷ điện Cần Đơn, dự án thuỷ điện Thác Mơ mở rộng….

- Các nhà máy điện tuốc bin khí được xây dựng và mở rộng như trung tâm điện lực Phú Mỹ với công suất thiết kế hơn 4000MW, trung tâm điện Bà Rịa…

- Một số nhà máy nhiệt điện chạy bằng dầu phục vụ cho các khu chế xuất đang được đầu tư xây dựng.

\*Phát triển lưới điện

- Đường dây siêu cao áp 500kV từ Hoà Bình đi Phú Lâm đã đưa vào hoạt động có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo nhu cầu năng lượng cho vùng.

- Các trạm biến áp, công trình trung thế, hạ thế đã được xây dựng theo quy hoạch.

b. Nguyên nhân

- Việc phát triển công nghiệp của vùng đặt ra nhu cầu lớn về năng lượng.

- Sự phát triển công nghiệp của vùng không tách rời xu thế mở rộng quan hệ đầu tư với nước ngoài.

- Những vấn đề về môi trường phải luôn luôn được quan tâm, tránh làm tổn hại đến ngành du lịch.

- Thiếu lao động có chuyên môn kĩ thuật cao.

- Vấn đề đang được đặt ra là quy hoạch không gian lãnh thổ.

**3. Trong nông nghiệp**

a. Hướng khai thác

\* Vấn đề thuỷ lợi có ý nghĩa hàng đầu

- Nhiều công trình thuỷ lợi được xây dựng, lớn nhất là hồ Dầu Tiếng (Tây Ninh) với dung tích trên 1.5 tỉ m3.

- Các công trình thuỷ lợi khác cũng được xây dựng trên sông Đồng Nai, sông Bé, sông La Ngà… vì vậy diện tích đất trồng và hệ số sử dụng đất cũng tăng.

\*Chuyển đổi cơ cấu cây trồng

- Cơ cấu cây trồng cũng được chuyển đổi và hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn nhất nước ta.

- Các cây trồng phát triển mạnh như cao su, cà phê, hồ tiêu, cọ dầu, mía, đậu tương…

\*Bảo vệ rừng

- Rừng đầu nguồn, ở thượng lưu các sông được bảo vệ để giữ hồ chứa nước và mực nước ngầm.

- Cần quy hoạch rừng ngập mặn và bảo vệ rừng quốc gia Nam Cát Tiên.

b. Nguyên nhân

- Tăng hệ số sử dụng đất, tăng diện tích gieo trồng, tăng năng suất cây trồng.

- Thiếu nước về mùa khô và ngập lụt về mùa mưa, nên để tiêu nước vào mùa mưa, tưới nước vào mùa khô.

- Thay thế một số vườn cao su đã bị già, cho năng suất và sản lượng ít.

**4. Phát triển tổng hợp kinh tế biển**

a. Vì sao phải khai thác tổng hợp kinh tế biển ở Đông Nam Bộ

- Vùng biển và bờ biển Đông Nam bộ có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển tổng hợp kinh tế biển

- Khai thác tài nguyên sinh vật biển, vùng biển có nhiều cá tôm và gần ngư trường lớn như Ninh Thuận – Bình Thuận – Bà Rịa – Vũng Tàu, Minh Hải – Kiên Giang.

- Khai thác khoáng sản thềm lục địa, việc phát hiện dầu khí với quy mô ngày càng lớn, có sự hợp tác đầu tư của nước ngoài, tác động đến sự phát triển kinh tế của vùng nhất là tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Du lịch biển, Vũng Tàu là nơi nghỉ mát lí tưởng của vùng Đông Nam bộ và cả nước. Còn là cơ sở dịch vụ lớn về khai thác dầu khí.

- Giao thông vận tải biển: Cảng Sài Gòn và Vũng Tàu là 2 cảng lớn thuận lợi tàu cập bến, là cửa ngỏ thông thương với các vùng khác, vận chuyển và chế biến dầu khí.

- Chú ý đến vấn đề ô nhiễm môi trường trong quá trình khai thác, vận chuyển và chế biến dầu mỏ.

b.Lí do vì sao phải bảo vệ môi trường biển ở Đông Nam bộ

- Vấn để phát triển tổng hợp kinh tế biển có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành và thay đổi cơ cấu ngành và cơ cấu lãnh thổ kinh tế.

- Kinh tế biển gắn liền với vùng kinh tế ven biển dẫn đến ô nhiễm môi trường.

- Thể hiện ở việc khai thác khoáng sản trên thềm lục địa, khai thác tài nguyên sinh vật biển, du lịch biển và giao thông vận tải biển.

---Hết---